

Số: /BC-HĐND

Bình Dương, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO THẨM TRA

Về các dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực kinh tế - ngân sách trình kỳ họp thứ 13 - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X

Thực hiện phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách đã họp thẩm tra 10 dự thảo Nghị quyết (02 dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật và 08 dự thảo nghị quyết cá biệt) thuộc lĩnh vực kinh tế - ngân sách trình tại kỳ họp thứ 13 - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X. Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thẩm tra như sau:

A. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY PHẠM PHÁP LUẬT

I. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CHI DUY TU, BẢO DƯỠNG VÀ XỬ LÝ CẤP BÁCH SỰ CỐ ĐỀ ĐIỀU DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

1. Về thẩm quyền và sự cần thiết

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh, dọc theo phía bờ trái sông Sài Gòn và bờ phải sông Thị Tịch có 03 hệ thống đê bao do tỉnh quản lý, với tổng chiều dài 51,744 km gồm: hệ thống đê bao An Tây - Phú An, Tân An - Chánh Mỹ và An Sơn - Lái Thiêu. Ngày 26 tháng 9 năm 2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 3593/QĐ-BNN-PCTT về việc phân loại, phân cấp đê trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Theo đó, đê bao An Sơn - Lái Thiêu và đê bao Chánh Mỹ là đê cấp IV; đê bao An Tây - Phú An và đê bao Tân An là đê cấp V.

Căn cứ khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định: “Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí chi thường xuyên để thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều đối với các tuyến đê cấp IV và cấp V” và Điều 5 của Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định: “Căn cứ nội dung chi duy tu, bảo dưỡng đê điều quy định tại Điều 4 của Thông tư này; thực trạng hệ thống đê điều do địa phương quản lý và khả năng kinh phí; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều hệ thống đê điều do địa phương quản lý cho phù hợp, bảo đảm an toàn tuyến đê do địa phương quản lý”.

Do đó, việc UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương để chủ động bố trí nguồn ngân sách địa phương cho việc duy tu, bảo dưỡng, xử lý cấp bách sự cố đê điều đối với các tuyến đê do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung

Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương gồm có 02 nhóm nội dung chi, cụ thể: nhóm chi duy tu, bảo dưỡng đê điều (có 10 nội dung chi) và nhóm chi xử lý cấp bách sự cố đê điều (có 09 nội dung chi).

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy, các nội dung này được xây dựng căn cứ vào các nội dung chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều từ nguồn ngân sách Trung ương được quy định tại Điều 4 Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài chính; và căn cứ vào thực trạng hệ thống đê điều do địa phương quản lý và khả năng kinh phí của địa phương nhằm bảo đảm an toàn tuyến đê do tỉnh quản lý, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

II. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

1. Về thẩm quyền và sự cần thiết

Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai: “*Xác định giá đất để làm giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) dưới 30 tỷ đồng đối với các thành phố trực thuộc trung ương; dưới 10 tỷ đồng đối với các tỉnh miền núi, vùng cao; dưới 20 tỷ đồng đối với các tỉnh còn lại; xác định giá đất để làm căn cứ tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm mà phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo; xác định giá đất để làm cơ sở xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm*”.

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND: “*...quyết định biện pháp quản lý, sử dụng đất đai, ...*”.

Khoản 10 Điều 22 Luật Đất đai năm 2013 quy định một trong những nội dung nhà nước về đất đai là “*Quản lý tài chính về đất đai và giá đất*”.

Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, HĐND cấp tỉnh có thẩm quyền thông qua Bảng giá đất 5 năm và điều chỉnh bảng giá đất.

Căn cứ Công văn số 413/UBTVQH15-CTĐB ngày 08/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thẩm quyền Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc điều chỉnh bảng giá đất: “*UBND cấp tỉnh xây dựng, trình HĐND cùng cấp quyết định các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất*”.

Từ các cơ sở nêu trên, việc UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết quy định hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2024

trên địa bàn tỉnh Bình Dương là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất Tờ trình số 6355/TTr-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh về hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2024, theo hướng không điều chỉnh tăng, hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2024 áp dụng bằng với hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2023 phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 690-TB/TU ngày 01/12/2023 và tình hình thực tế của địa phương, để làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân làm căn cứ để thực hiện nghĩa vụ tài chính khi được nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

B. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CÁ BIỆT

I. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

1. Về thẩm quyền và sự cần thiết

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế khác và sự nghiệp khác; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 11/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngày 14/11/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 3377/QĐ-UBND về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, qua thực tế triển khai thực hiện, một số dịch vụ có thay đổi cần được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Căn cứ khoản 3 Điều 3 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập quy định: *HĐND cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương*. Do đó, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương là cần thiết và đúng thẩm quyền, nhằm tạo cơ sở pháp lý để thực hiện giao nhiệm vụ, đặt

hàng hoặc đấu thầu cho các đơn vị sự nghiệp công thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Về nội dung

Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường gồm có 09 nhóm dịch vụ. Trong đó: có 02 nhóm dịch vụ được kế thừa, giữ nguyên so với Quyết định số 3377/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Có 06 nhóm dịch vụ được kế thừa, sửa đổi, bổ sung so với Quyết định số 3377/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Còn lại, có 01 nhóm dịch vụ (Dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung) thuộc lĩnh vực hoạt động kinh tế sự nghiệp khác được bổ sung mới so với Quyết định số 3377/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhóm dịch vụ này được chi tiết từ “Dịch vụ khác” quy định tại Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy các danh mục dịch vụ sự nghiệp phù hợp với danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Điều 5 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ, tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, tại Điều 1 Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 11/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

II. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

1. Về thẩm quyền và sự cần thiết

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế khác và sự nghiệp khác; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 12/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ngày 23/12/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 3924/QĐ-UBND về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, qua thực tế triển khai thực hiện phát sinh một số bất cập: một vài danh mục dịch vụ không triển khai thực hiện hoặc rất ít khi thực hiện; còn thiếu một số danh mục dành cho đơn vị sự nghiệp công cấp tỉnh; đa số các danh mục chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công chưa được

phê duyệt. Do đó, chưa có cơ sở để thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; căn cứ khoản 3 Điều 3 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập quy định: *HĐND cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương*. Do vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết ban hành Danh mục Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Dương là cần thiết và đúng thẩm quyền, nhằm tạo cơ sở pháp lý để thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cho các đơn vị sự nghiệp công thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Về nội dung

Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn gồm 10 nhóm dịch vụ. Trong đó: có 02 nhóm dịch vụ¹ được kế thừa, giữ nguyên so với Quyết định số 3924/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Có 07 nhóm dịch vụ² được kế thừa, sửa đổi, bổ sung so với Quyết định số 3924/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Còn lại, có 01 nhóm dịch vụ (Dịch vụ lĩnh vực phòng chống thiên tai) được bổ sung mới so với Quyết định số 3924/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy các danh mục dịch vụ sự nghiệp này phù hợp với danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Điều 5 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ, tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, tại Điều 1 Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 12/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

III. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

1. Về thẩm quyền và sự cần thiết

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Căn cứ khoản 3 Điều 3 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài

¹ Dịch vụ lĩnh vực thú y; Dịch vụ lĩnh vực thủy sản;

² Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt; Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi; Dịch vụ lĩnh vực bảo vệ thực vật; Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp; Dịch vụ lĩnh vực thủy lợi; Dịch vụ lĩnh vực quản lý chất lượng; Dịch vụ khác.

chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập quy định: *HĐND cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương*. Do vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Dương là cần thiết và đúng thẩm quyền, nhằm tạo cơ sở pháp lý để thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cho các đơn vị sự nghiệp công thuộc lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Về nội dung

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giao thông vận tải, gồm 03 nhóm, trong đó:

Nhóm dịch vụ lĩnh vực đường bộ áp dụng trên các tuyến đường tỉnh (đường ĐT) có 04 dịch vụ³ và nhóm dịch vụ lĩnh vực đường thủy nội địa có 01 dịch vụ⁴. Cả 05 dịch vụ này phù hợp với danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, Điều 5 của Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ, Điều 1 của Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 28/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu ngành giao thông vận tải.

Còn lại, nhóm Dịch vụ khác có 03 dịch vụ⁵ được chi tiết từ “Dịch vụ khác” được quy định tại Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất nội dung dự thảo nghị quyết, tuy nhiên, riêng nhóm dịch vụ lĩnh vực đường bộ, Ban đề nghị chỉnh sửa lại theo hướng điều chỉnh các nội dung quy định chỉ áp dụng trên các tuyến đường tỉnh (đường ĐT) sửa đổi lại thành quy định áp dụng cho các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh, nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, áp dụng thống nhất.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

IV. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT PHÊ CHUẨN QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN, QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

1. Về thẩm quyền và sự cần thiết

Ngày 10/12/2021, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 45/NQ-HĐND về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi và phân bổ ngân

³Công tác quản lý và bảo dưỡng thường xuyên; Duy tu, sửa chữa; Quản lý, vận hành, bảo trì trạm cân; Duy tu, sửa chữa hệ thống báo hiệu đường bộ.

⁴Quản lý, đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa các tuyến sông qua địa bàn tỉnh theo phân cấp

⁵Cung cấp cơ sở vật chất phục vụ sát hạch cấp giấy phép lái xe; Cung ứng sản phẩm dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt; Dịch vụ ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn về giao thông vận tải

sách địa phương năm 2022. Ngày 20/10/2022, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 25/NQ-HĐND về việc sử dụng số thường vượt dự toán thu năm 2021 và bổ sung, điều chỉnh Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022. Ngày 12/12/2022, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 36/NQ-HĐND về việc điều chỉnh Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 20/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh "về việc sử dụng số thường vượt thu dự toán năm 2021 và bổ sung, điều chỉnh Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Bình Dương về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022".

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 19 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 3 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp “*Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương*”; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm. Để việc quản lý và sử dụng NSNN đảm bảo chặt chẽ, thống nhất, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; đồng thời làm cơ sở đánh giá việc chấp hành và điều hành ngân sách nhà nước sau một năm thực hiện, từ đó đề ra các giải pháp chỉ đạo, điều hành, quản lý ngân sách tốt hơn cho phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong những năm tiếp theo. Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022 là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

2. Về nội dung của Dự thảo Nghị quyết

a) Về quyết toán thu ngân sách

- Dự toán tổng thu ngân sách từ kinh tế xã hội trên địa bàn năm 2022 là 61.240 tỷ đồng, quyết toán 66.866 tỷ đồng, đạt 113% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 109% dự toán HĐND tỉnh thông qua, bằng 99% so với quyết toán năm 2021⁶, gồm:

+ Thu nội địa quyết toán là 47.386 tỷ đồng, đạt 115% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 109% dự toán HĐND tỉnh thông qua, bằng 98% so với quyết toán năm 2021, chiếm tỷ trọng 71% trong tổng thu ngân sách nhà nước (năm 2021 là 71%).

+ Thu từ lĩnh vực xuất nhập khẩu quyết toán 19.480 tỷ đồng, đạt 109% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, bằng 100% so với quyết toán năm 2021, chiếm tỷ trọng 29% trong tổng thu ngân sách nhà nước.

- Dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng là 21.406 tỷ đồng, quyết

⁶ Tổng thu ngân sách nhà nước từ kinh tế - xã hội năm 2021 được quyết toán là 67.781 tỷ đồng.

toán 23.369 tỷ đồng, đạt 109% dự toán HĐND tỉnh thông qua.

Kết quả thực hiện có 13/17 khoản thu hoàn thành vượt dự toán Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh giao, trong đó, các khoản thu lớn đạt khá như thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 14.619 tỷ đồng, đạt 106% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 120% dự toán HĐND tỉnh thông qua; thuế thu nhập cá nhân 6.669 tỷ đồng, đạt 108% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 109% dự toán HĐND tỉnh thông qua; thu tiền sử dụng đất 5.277 tỷ đồng, đạt 211% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 122% dự toán HĐND tỉnh thông qua và khoản thu đạt dự toán cao nhất là khoản thu từ Quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác đạt 232% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 290% dự toán HĐND tỉnh thông qua. 03/17 khoản thu không đạt dự toán, trong đó đạt dự toán thấp nhất là khoản thu tiền thuê đất, thuê mặt nước chỉ đạt 76% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và dự toán HĐND tỉnh. 01/17 khoản thu không đạt dự toán Thủ tướng Chính phủ và đạt dự toán HĐND tỉnh giao, khoản thu thuế bảo vệ môi trường 1.699 tỷ đồng, đạt 89% dự toán Thủ tướng Chính phủ và đạt 103% dự toán HĐND tỉnh thông qua.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với kết quả quyết toán thu ngân sách nhà nước của UBND tỉnh và cho rằng: Trong năm 2022, tình hình kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, ngay từ đầu năm, với sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, sự điều hành linh hoạt của UBND tỉnh, sự cố gắng, trách nhiệm của các ngành đã tích cực khai thác các nguồn thu, đảm bảo hoàn thành và vượt chỉ tiêu thu ngân sách dự toán đề ra.

b) Về quyết toán chi ngân sách

Dự toán tổng chi ngân sách địa phương là 22.567 tỷ đồng, quyết toán 49.157 tỷ đồng (bao gồm cả chi chuyển nguồn sang năm sau 28.181 tỷ đồng), đạt 218% dự toán HĐND tỉnh giao. Trong đó, quyết toán chi cân đối ngân sách là 25.792 tỷ đồng, bằng 115% dự toán HĐND tỉnh, bằng 73% so với quyết toán năm 2021⁷. Chi đầu tư phát triển là 14.167 tỷ đồng, đạt 155% dự toán HĐND tỉnh, bằng 80% so với quyết toán năm 2021⁸. Chi thường xuyên đạt 11.584 tỷ đồng, bằng 93% dự toán HĐND tỉnh, bằng 66% so với quyết toán năm 2021⁹.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy chi ngân sách năm 2022 cơ bản đáp ứng được các hoạt động của bộ máy nhà nước, đảm bảo ưu tiên cho đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn một số nội dung chi không đạt dự toán như chi khoa học công nghệ 23 tỷ đồng, đạt 61% dự toán HĐND tỉnh thông qua; chi đầu tư xây dựng cơ bản, vốn ngân sách tỉnh 3.793 tỷ, quyết toán đạt 54% dự toán HĐND tỉnh thông qua, nguyên nhân chủ yếu do vướng mắc về pháp lý, chậm trong công tác triển khai thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022. Đồng thời, một số nội dung chi tăng cao chủ yếu thanh quyết toán kinh phí để thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19

⁷ Quyết toán chi cân đối ngân sách năm 2021 là 35.407 tỷ đồng.

⁸ Quyết toán chi đầu tư phát triển năm 2021 là 17.723 tỷ đồng.

⁹ Quyết toán chi thường xuyên năm 2021 là 17.658 tỷ đồng.

theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

V. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THUỘC DIỆN THU HỒI ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA TRONG NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

1. Kết quả thực hiện năm 2023

Năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 và Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 26/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 407 công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích đất trồng lúa với tổng diện tích 2.614,44 ha, trong đó có 389 công trình thuộc diện thu hồi đất với tổng diện tích đất thu hồi là 2.454,02 ha và 18 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa với tổng diện tích 160,42 ha. Kết quả thực hiện như sau:

- Công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất:

Có 86 công trình, dự án đã thực hiện, đạt 22,1% tổng số công trình, dự án (năm 2022: 22,4%); có 255 công trình, dự án đang triển khai thực hiện, chiếm 66,55% tổng số công trình, dự án (năm 2022: 71%); 48 công trình, dự án chưa thực hiện, chiếm 12,34% tổng số công trình, dự án (năm 2022: 6,6%).

- Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa:

Trong năm 2023 chưa có công trình nào thực hiện xong; có 17 công trình, dự án đang triển khai thực hiện, chiếm 94,4% tổng số công trình, dự án; có 01 công trình, dự án chưa thực hiện, chiếm 5,56% tổng số công trình, dự án.

Nhìn chung, kết quả triển khai thực hiện danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa năm 2023 đạt kết quả khá tích cực, số lượng các công trình, dự án đã thực hiện thu hồi đất đạt tỷ lệ khả quan. Tuy nhiên, số công trình, dự án chưa thực hiện thu hồi đất còn khá nhiều 48 công trình chiếm tỷ lệ 12,34% tổng số công trình, dự án và 18 công trình, dự án chuyển mục đích đất trồng lúa nhưng chưa có công trình, dự án nào thực hiện xong. Kiến nghị UBND tỉnh đánh giá thêm nguyên nhân dẫn đến tình trạng này để có giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

2. Về Kế hoạch năm 2024

a) Đối với danh mục công trình, dự án đăng ký mới thực hiện thu hồi đất trong năm 2024 có 84 công trình, dự án với tổng diện tích 570,29 ha.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy: trong 84 công trình, dự án bổ sung mới năm 2024 (trong đó, vốn ngân sách: 71, vốn doanh nghiệp: 9, vốn xã hội hóa: 2, vốn đầu thầu: 2). Các công trình này cơ bản đảm bảo điều kiện HĐND tỉnh thông qua việc thu hồi đất. Tuy nhiên, qua thẩm tra, Ban nhận thấy có 42 công trình, dự án chưa được ghi vốn thực hiện, chỉ mới là dự kiến bố trí

vốn thực hiện. Theo khoản 6 Điều 46 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: “Đối với các công trình, dự án theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch”.

Các công trình, dự án này chủ yếu là công trình, dự án nâng cấp mở rộng đường nông thôn cấp xã, tỷ lệ thu hồi đất ít chủ yếu địa phương vận động người dân hiến đất. Do vậy, để tạo điều kiện địa phương thực hiện các thủ tục đảm bảo thu hồi đất, sớm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án này, Ban thống nhất nội dung trình của UBND tỉnh, tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương thực hiện bố trí vốn thực hiện năm 2024 cho các dự án này trước ngày 31/12/2023 và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án này.

b) Đối với các công trình, dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa chuyển tiếp từ năm 2023 sang thực hiện trong năm 2024, có tổng số là 272 công trình, dự án (trong đó: thu hồi đất là 256, chuyển mục đích sử dụng đất lúa là 16), với tổng diện tích 2.424,96 ha. Cụ thể như sau:

- Danh mục công trình, dự án chuyển tiếp không có điều chỉnh là 242 công trình, dự án (trong đó: thu hồi đất là 229, chuyển mục đích sử dụng đất lúa là 13), với tổng diện tích 2.234,15 ha.

- Danh mục công trình, dự án chuyển tiếp có điều chỉnh là 30 công trình, dự án (trong đó: thu hồi đất là 27, chuyển mục đích sử dụng đất lúa là 03), với tổng diện tích 190,81 ha. Việc điều chỉnh này là điều chỉnh về vị trí, diện tích do khi triển khai đo đạc thực tế có sự chênh lệch so với các Nghị quyết đã ban hành.

Trong đó, có 105/272 công trình, dự án thu hồi đất với tổng diện tích là 947,60 ha đã quá 3 năm.

Tại khoản 3 Điều 49 của Luật Đất đai quy định: “Diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được công bố phải thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi hoặc chuyển mục đích đối với phần diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất.

Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất không điều chỉnh, hủy bỏ hoặc có điều chỉnh, hủy bỏ nhưng không công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ thì người sử dụng đất không bị hạn chế về quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này”.

Tuy nhiên, các công trình, dự án này đang triển khai thực hiện công tác bồi thường, nếu thực hiện việc điều chỉnh, hủy bỏ theo quy định của Luật thì công trình dự án phải ngưng công tác bồi thường dẫn đến việc chậm trễ, không thể giao mặt bằng để thi công các công trình dự án đầu tư công theo đúng tiến độ đã đề ra để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, công tác đầu tư công gặp rất nhiều khó khăn.

c) Đối với danh mục công trình, dự án không chuyển tiếp thực hiện trong năm 2024 và đưa ra khỏi danh mục là 49 công trình, dự án (trong đó 48 công trình dự án, thu hồi đất với tổng diện tích là 131,86 ha và 01 dự án chuyển mục đích đất trồng lúa với diện tích là 2,26 ha) với tổng diện tích 134,12 ha. Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy số lượng các công trình dự án loại bỏ ra khỏi danh mục do các nguyên nhân như các dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện; đến thời điểm hiện nay, dự án không còn phù hợp; không có khả năng thực hiện. . . Các công trình, dự án này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố rà soát, đánh giá và đề nghị loại bỏ. Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất việc không chuyển tiếp thực hiện trong năm 2024 và đưa ra khỏi danh mục đối với 49 công trình dự án nêu trên.

d) 02 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa

Theo nội dung Tờ trình số 6288/TTr-UBND tỉnh ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh xem xét giải quyết việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp đối với 02 dự án có nguồn gốc đất do các tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa và được thống kê là loại đất khác nhưng trên giấy chứng nhận còn thể hiện là đất trồng lúa với diện tích 9,15 ha, vị trí thực hiện dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Dĩ An được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 05/01/2022.

Việc chuyển mục đích sử dụng đất này nhằm giải quyết nhu cầu phát sinh thực tế. Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện khẩn trương rà soát và đề ra giải pháp giải quyết dứt điểm đối với những trường hợp này.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

VI. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023

Tổng vốn kế hoạch đầu tư công năm 2023 là 21.817 tỷ 939 triệu đồng¹⁰, cao hơn 2,5 lần vốn đầu tư công năm 2022. Tính đến ngày 30/11/2023, giá trị giải ngân 14.047 tỷ 114 triệu đồng, đạt 64,4% kế hoạch tỉnh giao và đạt 115,3% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, giá trị giải ngân cao hơn khoảng 9.897 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022¹¹. Ước cuối năm 2023, tỷ lệ giải ngân đạt 95,2%. Trong đó, tổng kế hoạch vốn của các công trình, dự án trọng điểm là 14.560 tỷ đồng, giá trị giải ngân là 9.893 tỷ đồng, đạt 67,9% kế hoạch, ước giải ngân cả năm đạt 94,1% kế hoạch.

Đối với nguồn vốn kế hoạch kéo dài năm 2022 sang năm 2023 là 520 tỷ 968 triệu đồng, giá trị giải ngân là 481 tỷ 564 triệu đồng, đạt 92,4% kế hoạch, ước giải ngân cả năm đạt 99,7%.

¹⁰ Vốn ngân sách trung ương 3.142 tỷ 500 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương: 18.675 tỷ 439 triệu đồng.

¹¹ 4.719 tỷ đồng, đạt 45,8% kế hoạch HĐND tỉnh giao và đạt 46,5% kế hoạch Thủ tướng Chính Phủ giao.

Ban Kinh tế - Ngân sách cho rằng kết quả thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 đạt kết quả khá tích cực, có nhiều đổi mới trong các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch vốn và chỉ đạo quyết liệt ngay từ đầu năm trong việc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong đầu tư công. So với cùng kỳ năm 2022, ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 cao hơn về cả số tuyệt đối (gấp 2,7 lần) và số tương đối (cùng kỳ đạt 85,4%). Đây cũng là giá trị giải ngân vốn đầu tư công cao nhất từ trước đến nay. Tuy nhiên, khối lượng giải ngân trong các tháng còn lại khá lớn, để hoàn thành kế hoạch vốn được giao, tính trung bình mỗi tháng cuối năm phải giải ngân khoảng 3.886 tỷ đồng, trong khi 10 tháng đầu năm trung bình mỗi tháng chỉ giải ngân khoảng 1.405 tỷ đồng.

Ban Kinh tế - Ngân sách kiến nghị UBND tỉnh tiếp tục tập trung chỉ đạo có giải pháp căn cơ để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc nhất là trong công tác bồi thường; tăng cường công khai, minh bạch, kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công, nâng cao hiệu quả, chất lượng trong đầu tư công; phối hợp theo dõi tiến độ, đôn đốc triển khai các dự án công trình trọng điểm. Đặc biệt, tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công từ đây đến ngày 31/01/2024 để hoàn thành kế hoạch vốn đã đề ra.

2. Kế hoạch đầu tư công năm 2024

a) Về thẩm quyền và sự cần thiết

Tại khoản 2 Điều 63 Luật Đầu tư công: “Trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án”.

Do vậy, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 là cần thiết và đúng thẩm quyền, đúng quy định về trình tự, thủ tục của pháp luật về đầu tư công.

b) Nội dung

*** Về nguồn vốn**

Tổng nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách nhà nước là 22.000 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách địa phương: 18.816 tỷ đồng, gồm:
 - + Vốn cân đối theo nguyên tắc, tiêu chí: 4.463 tỷ đồng.
 - + Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 4.750 tỷ đồng.
 - + Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.880 tỷ đồng.
 - + Vốn bội chi ngân sách địa phương (vay từ nguồn cho vay lại của Chính phủ vay nước ngoài): 1.002 tỷ đồng.
 - + Vốn từ nguồn thu Đề án khai thác nguồn lực từ đất: 6.722 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách trung ương: 3.184 tỷ đồng.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy tổng nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tương đương với tổng nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2023, so

với số giao của trung ương tăng 6.722 tỷ đồng. Nguồn tăng là nguồn thu từ Đề án khai thác nguồn lực từ đất, việc thực hiện nguồn này trong năm 2023 gặp khó khăn. Do vậy, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt để năm 2024 thực hiện đạt nguồn thu này nhằm đáp ứng cho đầu tư.

* Về phân bổ vốn

Tổng nguồn vốn 22.000 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: 3.184 tỷ đồng, UBND tỉnh thực hiện phân bổ chi tiết và điều chỉnh (nếu có) theo các Quyết định giao, điều chỉnh của Thủ tướng Chính phủ.

- Vốn ngân sách địa phương: 18.816 tỷ đồng phân bổ cho 250 dự án, cụ thể như sau:

Ngân sách cấp tỉnh: 16.005 tỷ đồng, chiếm 85% kế hoạch, phân bổ cho 248 dự án.

Ngân sách cấp huyện: 1.809 tỷ đồng, chiếm 9,6% kế hoạch.

Vốn bồi chi ngân sách địa phương: 1.001 tỷ đồng, chiếm 5,3% kế hoạch, phân bổ cho 02 dự án.

- Phân bổ vốn cho các lĩnh vực cụ thể như sau: hạ tầng kinh tế 116 dự án, chiếm 81,3% tổng vốn phân bổ; hạ tầng văn hóa - xã hội 115 dự án, chiếm 8,6% tổng vốn phân bổ; quản lý nhà nước - an ninh - quốc phòng 19 dự án, chiếm 0,38% tổng vốn phân bổ.

- Phân bổ vốn theo giai đoạn của dự án: phân bổ cho chuẩn bị đầu tư 85 dự án, chiếm 0,22% vốn phân bổ; thiết kế bản vẽ thi công dự toán 6 dự án, chiếm 0,08% vốn phân bổ; các dự án khởi công mới 7 dự án, chiếm 38,6% vốn phân bổ; dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024: 18 dự án, chiếm 31,5% vốn phân bổ; dự án dự kiến hoàn thành năm 2024: 73 dự án, chiếm 19,36% vốn phân bổ; dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023: 61 dự án, chiếm 0,6% vốn phân bổ (quyết toán dự án).

Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (vốn ngân sách địa phương) bố trí cho 250 dự án đảm bảo nguyên tắc và thứ tự ưu tiên theo quy định pháp luật về đầu tư công. Trong đó, bố trí vốn cho 59 dự án trọng điểm với tổng số vốn bố trí là 13.964 tỷ đồng, chiếm 74,2% vốn phân bổ. Ban nhận thấy đây là những công trình cấp thiết, quan trọng cần được ưu tiên bố trí vốn, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

* Về các dự án bố trí vốn quá thời gian

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, bố trí vốn cho 35 dự án bố trí vốn quá thời gian là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công.

Theo nội dung Tờ trình của UBND tỉnh cho thấy các dự án này trong quá trình triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, chủ yếu vướng giải phóng mặt bằng, nên chưa đảm bảo thời gian bố trí vốn theo quy định. Mặt khác, đây là các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024. Do vậy, Ban thống nhất cần

thiết xem xét bố trí vốn cho các dự án này, nhằm đảm bảo dự án được tiếp tục thực hiện, phát huy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

Qua thẩm tra, Ban nhận thấy dự thảo nghị quyết về kế hoạch đầu tư công năm 2024 được xây dựng phù hợp quy định Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành. Vốn chủ yếu tập trung bố trí cho các công trình trọng điểm (chiếm 74,2% vốn phân bổ) là phù hợp với tinh thần chỉ đạo của tỉnh ủy, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Tuy nhiên, trong kế hoạch có bố trí vốn cho 20 dự án chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư, trong đó, có 05 dự án chưa phê duyệt dự án, còn lại 15 dự án chưa điều chỉnh thời gian thực hiện dự án. Theo Tờ trình của UBND tỉnh có cam kết đảm bảo hoàn thiện thủ tục đầu tư trước ngày 31/12/2023, đảm bảo đủ điều kiện bố trí vốn theo Công văn 8452/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 của Bộ Kế hoạch - Đầu tư về dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024. Ban đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu thực hiện nội dung này theo đúng thời hạn cam kết. Đồng thời, sau khi kế hoạch đầu tư công được thông qua, Ban đề nghị UBND tỉnh khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi sát sao tiến độ thực hiện dự án để chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, nhằm thực hiện đạt kế hoạch đầu tư công đã thông qua.

* Đối với dự thảo nghị quyết:

Theo dự thảo nghị quyết kèm theo Tờ trình của UBND tỉnh trình bày hướng phân bổ chung nguồn vốn của trung ương và địa phương, Ban đề nghị sửa đổi trình bày lại nghị quyết theo hướng tách riêng phần vốn trung ương có phụ lục dự án riêng cho nguồn vốn này và UBND tỉnh thực hiện phân bổ chi tiết và điều chỉnh (nếu có) theo các Quyết định giao, điều chỉnh của Thủ tướng Chính phủ. Nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện phân bổ cho từng dự án cụ thể và do HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh theo đúng quy định pháp luật.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

VII. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN; THU, CHI VÀ PHÂN BỐ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

1. Kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023

a) Kết quả thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023

Năm 2023, tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường như sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; xung đột tại Ukraine kéo dài và xung đột tại Dải Gaza diễn ra từ đầu tháng 10/2023; tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại; hoạt động xuất, nhập khẩu bị thu hẹp, lạm phát vẫn ở mức cao; nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao đã ảnh hưởng đến việc triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023. Bên cạnh đó, năm 2023 là năm đầu áp dụng tỷ lệ điều tiết để lại cho địa phương là 33% (giảm 3% so với năm 2022) đã làm ảnh hưởng rất lớn đến khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sát sao của các cấp, các ngành, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, với quyết tâm cao không giảm chỉ tiêu thu NSNN đề phân đấu; đồng thời phải tích cực khai thác nguồn thu để đảm bảo chi ngân sách địa phương (NSĐP), nhất là chi đầu tư phát triển. Do đó, đạt chỉ tiêu phân đấu thu NSNN là 73.257 tỷ đồng, đạt 112% dự toán Thủ tướng Chính phủ (TTCP) và bằng 98% dự toán HĐND tỉnh thông qua, bằng 110% so với thực hiện năm 2022, trong đó:

- Thu nội địa: phân đấu đạt 52.712 tỷ đồng, bằng 116% dự toán TTCP giao, bằng 111% dự toán HĐND tỉnh thông qua, bằng 111% so với thực hiện năm 2022.

- Thu từ lĩnh vực xuất, nhập khẩu: 16.000 tỷ đồng, bằng 79% dự toán TTCP giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, bằng 82% so với thực hiện năm 2022.

b) Kết quả thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023

- Chi cân đối NSĐP ước 24.223 tỷ đồng¹², đạt 106% so với dự toán đầu năm HĐND tỉnh thông qua, trong đó:

- + Chi đầu tư phát triển ước 13.162 tỷ đồng¹³, đạt 112% dự toán (bao gồm dự kiến cả chi chuyển nguồn sang năm sau).

- + Chi thường xuyên ước 10.970 tỷ đồng, đạt 105% dự toán đầu năm HĐND tỉnh thông qua. Kinh phí chi thường xuyên cơ bản đã đáp ứng kịp thời các yêu cầu chi tiền lương, các khoản phụ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo an sinh xã hội, vệ sinh môi trường, an ninh quốc phòng...

2. Về dự toán thu, chi NSNN năm 2024

a) Về sự cần thiết và thẩm quyền

Căn cứ khoản 6 Điều 44 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015: “trước ngày 10/12, HĐND cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm sau...”. Theo đó, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất về sự cần thiết và thẩm quyền HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024.

b) Nội dung

b.1) Về dự toán thu ngân sách năm 2024

* Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

- Tổng thu NSNN từ kinh tế - xã hội: 71.600 tỷ đồng, tăng 10% so với dự toán Trung ương giao, bằng 98% so với ước thực hiện dự toán năm 2023, gồm:

- + Thu nội địa 48.078 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao, bằng 91% so với ước thực hiện dự toán năm 2023.

- + Thu từ lĩnh vực xuất, nhập khẩu 16.800 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán Trung ương giao, đạt 105% so với ước thực hiện dự toán năm 2023.

¹² Không bao gồm chi tạo nguồn cải cách tiền lương.

¹³ Bao gồm chuyển tạm ứng sang thực chi của Ngân hàng chính sách - Chi nhánh tỉnh Bình Dương.

+ Thu từ Đề án khai thác nguồn lực từ đất để chi xây dựng cơ bản: 6.722 tỷ đồng, đạt 148% so với ước thực hiện dự toán năm 2023.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy dự toán thu ngân sách năm 2024 được xây dựng tăng 10% so với dự toán Trung ương giao nhưng nếu loại trừ nguồn thu của Đề án khai thác nguồn lực từ đất thì bằng 100% so với dự toán Trung ương giao. Dự toán thu này là phù hợp, khả thi với tình hình kinh tế và khả năng thực hiện các nguồn thu hiện nay của tỉnh.

Với dự báo tình hình năm 2024, bên cạnh những tín hiệu tích cực thì vẫn còn nhiều khó khăn, phức tạp, diễn biến khó lường, Ban đề nghị UBND tỉnh tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Dự toán ngân sách của tỉnh ngay từ đầu năm. Đồng thời, cần có giải pháp đột phá, vượt qua khó khăn thách thức; quyết liệt chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh, tăng cường cải cách thủ tục hành chính, xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, khai thác các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tích cực đẩy mạnh triển khai các thủ tục để thực hiện Đề án khai thác nguồn lực từ đất để đáp ứng nguồn lực cho đầu tư; đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để chống gian lận, trốn thuế và thất thu thuế.

b.2) Về dự toán chi ngân sách

Tổng chi ngân sách địa phương 33.050 tỷ đồng, tăng 29% so với dự toán trung ương giao, trong đó:

* Chi cân đối NSDP: 23.039 tỷ đồng, tăng 3% so với dự toán Trung ương, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển 11.181 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 48,5% tổng chi cân đối NSDP, bao gồm: chi đầu tư xây dựng cơ bản 11.093 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 48,1% so với tổng chi cân đối NSDP, bằng 100% dự toán Trung ương giao.

- Chi thường xuyên 11.070 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 48% tổng chi cân đối NSDP, bằng 105% so với dự toán Trung ương giao.

Ngoài ra, đối với chi đầu tư phát triển còn bổ sung từ các nguồn: nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu về cho NSDP là 3.184 tỷ đồng; nguồn thu của Đề án khai thác nguồn lực từ đất là 6.722 tỷ đồng và Bội chi NSDP (chi từ nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ): 1.002 tỷ đồng.

Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy dự toán chi NSNN năm 2024, trong đó chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên được xây dựng tương đương dự toán chi năm 2023, nội dung này là phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, cơ bản đáp ứng nhu cầu đảm bảo an sinh xã hội, chi đầu tư phát triển của tỉnh và đáp ứng nhu cầu chi cho các hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị và địa phương.

Ban Kinh tế-Ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

VII. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỜNG CAO TỐC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - THỦ DẦU MỘT - CHƠN THÀNH - ĐOẠN QUA TỈNH BÌNH DƯƠNG THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP).

1. Về thẩm quyền và sự cần thiết

Căn cứ Thông báo số 96/TB-VPCP ngày 04/4/2022 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Dương, theo đó Thủ tướng Chính phủ giao Bình Dương làm cơ quan có thẩm quyền thực hiện dự án đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành.

Đối với đoạn qua tỉnh Bình Phước 7 km đã được Quốc hội thống nhất phân cấp UBND tỉnh Bình Phước là cơ quan chủ quản để thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công. Do đó phạm vi còn lại của tuyến cao tốc mà dự án PPP đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý đầu tư của tỉnh Bình Dương.

Căn cứ khoản 4 Điều 12 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ dự án quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này”*.

Căn cứ Văn bản số 506-TB/TU ngày 10/01/2023 “Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về phương thức đầu tư xây dựng đường Vành đai 4, đường Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành trên địa bàn tỉnh” và Kết luận số 522-KL/TU ngày 05/12/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chủ trương đầu tư xây dựng đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành - đoạn qua tỉnh Bình Dương theo hình thức đối tác công tư (PPP).

Việc đầu tư xây dựng dự án đường Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành có ý nghĩa, vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố an ninh quốc phòng của vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ và cần sớm được đầu tư để tạo động lực phát triển và góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Từ cơ sở trên, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành - đoạn qua tỉnh Bình Dương theo phương thức đối tác công tư (PPP) là cần thiết và đúng thẩm quyền.

2. Nội dung

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo một số nội dung cơ bản sau:

a) Dự kiến hướng tuyến, quy mô và địa điểm thực hiện dự án:

- Hướng tuyến: từ vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh tuyến đi trùng ĐT.743, ĐT.747 tới trước cầu Khánh Vân, sau đó chuyển hướng rẽ trái tách khỏi đường hiện tại, đi men Suối Cái và song song với ĐH.409. Tuyến cắt ĐT.747A tại Cống Xanh, sau đó đi song song và giao cắt với ĐT.741, cắt đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng lên xã An Long, huyện Phú Giáo đến ranh tỉnh Bình

Phước. Hướng tuyến phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021.

+ Điểm đầu: tại Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh thuộc địa phận thành phố Thuận An tỉnh Bình Dương;

+ Điểm cuối: tại ranh giới tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước (Km52 + 247 theo lý trình dự án).

Tổng chiều dài tuyến: khoảng 45,747 km.

- Quy mô đầu tư: đường cao tốc, vận tốc thiết kế: 100 Km/h; Công trình giao thông, cấp I. Đầu tư phân kỳ chia thành 2 giai đoạn.

- Địa điểm thực hiện dự án: qua địa giới hành chính 05 huyện, thành phố: Thuận An, Tân Uyên, Bắc Tân Uyên, Phú Giáo, Bàu Bàng thuộc địa bàn tỉnh Bình Dương.

b) Dự kiến thời gian thực hiện dự án: (chuẩn bị và thi công): 2023 - 2027.

c) Sơ bộ tổng mức đầu tư của dự án: 17.408,39 tỷ đồng (đã bao gồm lãi vay). Trong đó:

- Vốn tham gia của Nhà nước: 8.530,11 tỷ đồng. Dự kiến đảm nhiệm các hạng mục bao gồm: toàn bộ chi phí giải phóng mặt bằng, hỗ trợ chi phí xây dựng khoảng 246 tỷ đồng.

- Vốn huy động từ Nhà đầu tư: 8.878,28 tỷ đồng; trong đó 70% vốn vay ngân hàng, 30% vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư.

Qua thẩm tra Ban nhận thấy vốn ngân sách tham gia dự án là 8.530,11 tỷ đồng chủ yếu thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và hỗ trợ xây lắp (hỗ trợ xây lắp dự kiến 246 tỷ đồng). Dự kiến cân đối vốn như sau: Trung ương bố trí khoảng 4.000 tỷ đồng, phần còn lại đảm bảo từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất và cắt giảm các dự án chưa thật sự cấp bách. Ban thống nhất về khả năng đảm bảo cân đối nguồn vốn như Tờ trình của UBND tỉnh, tuy nhiên với tình hình khó khăn về nguồn vốn đầu tư công như hiện nay và nhằm đảm bảo nguồn vốn ngân sách tham gia để thực hiện dự án, Ban đề nghị UBND tỉnh cần có giải pháp xây dựng nguồn thu bổ sung vốn cho kế hoạch vốn trung hạn và hàng năm, nhất là nguồn thu từ tiền sử dụng đất; khai thác sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác.

d) Dự kiến loại hợp đồng dự án PPP: Xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT).

đ) Sơ bộ phương án tài chính:

Theo nội dung tờ trình, phương án tài chính của dự án đề xuất thời gian thu phí hoàn vốn là 47,52 năm là tương đối dài, khó hấp dẫn các nhà đầu tư tham gia, thời gian này là phù hợp theo quy định của Luật Đất đai. Mức thu phí sẽ được xác định cụ thể ở bước dự án đầu tư phù hợp theo quy định pháp luật.

e) Dự kiến nhu cầu sử dụng đất: khoảng 322,5 ha.

g) Về dự án thành phần giải phóng mặt bằng:

Thông nhất tách vốn nhà nước thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư thành dự án thành phần và thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về đất đai.

Qua thẩm tra, Ban nhận thấy nội dung quy định này phù hợp khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Điều 50 Luật Xây dựng.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra các dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực Ban Kinh tế - Ngân sách. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBNDTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT, Tn (4).

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Minh Hạnh